

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2022/DS-ST.

Ngày: 12 – 9 - 2022

V/v: “*Tranh chấp quyền sử
dụng đất*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mẫn

2. Ông Huỳnh Văn Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2021/TLST-DS, ngày 07 tháng 7 năm 2021 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2022/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông V Ng C, sinh năm 1975;

2. Bà Ng T V, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu phố , thị trấn GR, huyện GR, tỉnh KG.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn L – Chi nhánh văn phòng luật sư Ph Kh Ph.

3. Bà Ng T M Ph, sinh năm 1976.

Địa chỉ: KT N O, TT GR, huyện GR, tỉnh Kg

- Bị đơn:

1. Ông D V L, sinh năm 1970;

2. Bà Tr Ph L1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 1007/9A, kp 5, phường AH, thành phố RG, tỉnh KG.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ng Tr T, sinh năm 1971;

2. Bà Tr KT1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp HK, xã HT, huyện GR, tỉnh KG.

3. Chị D T Tr A, sinh năm 1998;

4. Chị D Tr Ph Th, sinh năm 2004;

5. Chị D Trần V H sinh năm 2007.

Cùng địa chỉ: KP 5, phường AH, thành phố RG, tỉnh KG.

(Ông C, bà V, luật sư L, ông L, bà L1, ông T có mặt; bà T1 chị Tr A, chị Ph Th, chị VH có đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông V Ng C và bà Ng T V trình bày: Ông, bà có thửa đất số 103, diện tích 178m² thuộc tờ bản đồ 2/1, loại đất ở đô thị, tọa lạc tại kp 8, thị trấn Gr, huyện Gr, tỉnh KG. Nguồn gốc là ông bà nhận chuyển nhượng từ bà Vũ Thị Nh và đã được Ủy ban nhân dân huyện GR cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2007. Thời điểm chuyển nhượng thửa đất trên, ông bà chưa xây dựng nhà ở. Đến năm 2016, khi tiến hành xây dựng nhà, ông bà có nhờ cán bộ địa chính xuống đo đạc lại diện tích đất để xin giấy phép xây dựng thì phát hiện hộ ông Dương Viết L và bà Trần Ph L1 đã lấn qua phần đất của ông bà để xây dựng tường rào và nhà trọ với diện tích theo đo đạc thực tế là 6.0m² (ngang 5,5m; dài 1,1m). Khi phát hiện ông L, bà L1 lấn thì ông, bà đã trao đổi với ông L, bà L1 yêu cầu tháo dỡ các công trình xây dựng phần đất trên để trả đất nhưng ông L, bà L1 chỉ đồng ý bồi thường giá trị đất theo giá Nhà nước quy định nên ông bà không đồng ý. Xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà bị xâm phạm nên ông bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L, bà L1 phải tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất lấn chiếm trên để giao trả lại đất cho ông bà sử dụng.

Nguyên đơn bà Ng T M Ph trình bày: Bà có thửa đất số 143 với diện tích 135.5 m², loại đất ở đô thị, thuộc tờ bản đồ số 2/1, tọa lạc tại khu phố 8, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Nguồn gốc thửa đất trên là do bà nhận chuyển nhượng từ bà Vũ Thị Nhuận vào năm 2007 nhưng đến năm 2009 bà mới được Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất trên. Bà chuyển nhượng phần đất trên mục đích để xây nhà ở. Nhưng do điều kiện khó khăn bà chưa xây dựng được nên để đất trống. Đến năm 2016, bà chuẩn bị dọn dẹp đất, tiến hành đo đạc lại diện tích đất trên thì phần đất của bà bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đo đạc thực tế phần giáp ranh của hộ ông L, bà L1 là ngang 4.5 m x dài 1.1m, diện tích 4.95 m² (phần đất này ông L, bà L1 xây dựng tường rào và nhà vệ sinh). Bà có gặp ông L, bà L1 yêu cầu tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất tranh chấp nhưng ông L, bà L1 không đồng ý. Xét thấy, quyền và lợi ích hợp pháp của bà bị xâm

phạm nên bà khởi kiện yêu cầu ông L, bà L1 phải tháo dỡ di dời vật kiến trúc xây dựng trên đất để giao trả lại cho bà sử dụng diện tích nói trên.

Bị đơn ông Dương Viết L và bà Trần Ph L1 trình bày: Ông, bà có thửa đất số 53, loại đất ở đô thị, diện tích là 308,9 m², thuộc tờ bản đồ số 2/1, tọa lạc tại khu phố 8, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng. Đất giáp ranh với các hộ ông Phan Hoài Th, ông Lê Đình S, ông V Ng C, bà Ng T M Ph. Nguồn gốc của thửa đất trên là do ông bà nhận chuyển nhượng đất của ông Trần Văn H từ năm 1996 nhưng đến năm 2007 mới được Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông bà về đây cất một căn nhà lá để ở và sau đó cho thuê lại. Năm 2003-2004, ông bà tiến hành xây dựng bức tường rào và dãy nhà trọ tại vị trí ranh giới phần đất tranh chấp. Đến năm 2006, cán bộ địa chính thị trấn Giồng Riềng và phòng tài nguyên môi trường có xuống đo đạc tại khu vực đất này và cho ký giáp ranh giữa các hộ dân, nhằm thực hiện chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông C có ký vào biên bản giáp ranh với đất của ông bà, biên bản cũng thể hiện ranh giới đến bức tường nhưng ông C không có ý kiến phản đối gì. Đến năm 2013, ông bà xây dựng nhà kiên cố và công trình phụ như hiện trạng sử dụng hiện nay, ông C, bà V cũng không có tranh chấp. Nay ông C, bà V và bà Ph cho rằng ông bà lấn chiếm đất của và buộc gia đình ông bà tháo dỡ vật, kiến trúc xây dựng trên đất, giao trả lại 02 phần diện tích đất là 6,0m² và 4,95m², ông bà không đồng ý. Ông bà xác định phần đất tranh chấp nêu trên nằm trong thửa đất số 53 nên thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông bà. Còn qua thực tế đo đạc diện tích đất của ông bà dư so với giấy đó là do phía trước nhà của ông bà có một con mương, sau đó nhà nước tiến hành làm lộ nên phần đất con mương lấp đi làm dư ra diện tích đất mà ông bà sử dụng và ông bà có trả giá trị cho nhà nước. Nay ông bà có đơn yêu cầu phản tố với các nguyên đơn, yêu cầu công nhận quyền sử dụng diện tích đất 10,95 m², nằm trong thửa số 53 thuộc quyền sử dụng đất của ông bà và yêu cầu được tiếp tục sử dụng ổn định hai phần đất trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung T trình bày: Vào ngày 12/5/2021, vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông L, bà L1 nhà và đất với giá là 3.100.000.000 đồng, vợ chồng ông bà đặt cọc cho ông L, bà L1 600.000.000 đồng và thỏa thuận sau khi công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất sẽ giao thêm 2 tỷ đồng, số còn lại sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ giao đủ số tiền còn lại. Vào ngày 19/5/2021 vợ chồng

ông bà ông L, bà L1 đã giao nhà cho vợ chồng ông sử dụng, hiện tại ông bà đã sửa một phần nhà để cho phòng Khám đa khoa Bình Dương thuê ở phía trước giáp lộ Trần Đại Nghĩa để xe từ tháng 10/2021 đến nay. Nay ông C, bà V, bà Ph, ông L, bà L1 tranh chấp với nhau vợ chồng ông không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này, nếu sau này giữa vợ chồng ông bà có gì sẽ tranh chấp thành vụ kiện khác.

- Tại bản tự khai, các con của ông L – bà L1, chị *Dương Thị Trâm A* và *Dương Trần Ph Th xác định*: Không có ý kiến gì đối với vụ tranh chấp này và đồng ý kiến với ông L – bà L1.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông V Ng C, bà Ng T V rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Dương Viết L, bà Trần Ph L1, tháo dỡ công trình trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích dài 01 mét, ngang 5,5 mét.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Ng T M Ph rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Dương Viết L, bà Trần Ph L1, tháo dỡ công trình trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích dài 01 mét, ngang 4,5 mét.

Tại phiên tòa bị đơn ông Dương Viết L thống nhất đồng ý theo yêu cầu của các nguyên đơn tự nguyện tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất có diện tích như các nguyên đơn yêu cầu. Không yêu cầu bồi thường thiệt hại các chi phí phát sinh trong quá trình tháo dỡ. Tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố không yêu cầu Tòa án xem xét.

Luật sư Nguyễn Văn L bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có ý kiến: Tại phiên tòa các bên đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên và đương sự trong vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Do các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các nguyên đơn.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Do các nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn. Do bị đơn đã rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố.

Ông Nguyễn Trung T không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án nên đề nghị không xem xét.

Về án phí và chi phí tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Ông V Ng C, bà Ng T V và bà Ng T M Ph khởi kiện yêu cầu ông Dương Viết L, bà Trần Ph L1 tháo dỡ công trình xây dựng trên đất để giao trả diện tích đất lấn chiếm và ông L, bà L1 có yêu cầu phản tố về việc công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp diện tích đất tranh chấp nên đây là tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai được quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và đối tượng tranh chấp là diện tích đất tọa lạc tại thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa ông C, bà V, bà Ph, ông L, bà L1 thống nhất diện tích tranh chấp là 10 m², loại đất ở đô thị, thuộc tờ bản đồ số 2/1, tọa lạc tại khu phố 8, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Cụ thể phần tranh chấp của ông C, bà V với ông L bà L1 có diện tích là 5,5 m² (chiều ngang 5.5m x chiều dài 1m), bà Ng T M Ph diện tích 4.5 m² (chiều ngang 4.5m x chiều dài 1m) và thống nhất việc giao trả đất cho nhau. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện kiểm sát và đề nghị của luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông C, bà V. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự thống nhất cụ thể như sau:

[3] Ông V Ng C, bà Ng T V, ông Dương Viết L bà Trần Ph L1 thống nhất thỏa thuận ông Dương Viết L, bà Trần Ph L1 đồng ý trả lại cho ông V Ng C, bà Ng T V diện tích đất chiều dài 01 mét và chiều ngang 5,5 mét. Trên phần đất này có công trình xây dựng là một phần nhà trọ và nơi để rửa chén. Ông Dương Viết L, bà Trần Ph L1 tự nguyện tháo dỡ công trình trên phần đất phải trả cho ông C, bà V. Ông L, bà L1 tự nguyện chịu các chi phí phát sinh khi thực hiện tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất phải trả cho ông C, bà V, không yêu cầu ông C, bà V phải

bồi thường lại. Diện tích đất giao trả được T từ mí tường nhà của ông L kéo dài ra phía trước đường Trần Đại Nghĩa là 01 mét và ngang 5,5 mét T từ mí tường nhà ông L giáp với ông Thuận kéo qua giáp với phần đất của bà Ng T M Ph theo tờ trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang ngày 29/3/2022.

[4] Bà Ng T M Ph, ông Dương Viết L bà Trần Ph L1 thống nhất thỏa thuận ông Dương Viết L, bà Trần Ph L1 đồng ý trả lại cho bà Ng T M Ph diện tích đất chiều dài 01 mét và chiều ngang 4,5 mét. Trên phần đất này có công trình xây dựng là tường rào; một phần nhà vệ sinh và nơi để rửa chén. Ông Dương Viết L, bà Trần Ph L1 tự nguyện tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất phải trả cho bà Ph. Ông L, bà L1 tự nguyện chịu các chi phí phát sinh khi thực hiện tháo dỡ công trình xây dựng, không yêu cầu bà Ph phải bồi thường lại. Diện tích đất giao trả được từ mí tường rào của ông L kéo dài ra phía trước đường Trần Đại Nghĩa là 01 mét và ngang 4,5 mét T từ phần đất giáp với ông C kéo qua giáp với phần đất Vũ Thị Nhuận theo tờ trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang ngày 29/3/2022.

[5] Ông Dương Viết L, bà Trần Ph L1 thống nhất thực hiện tháo dỡ các công trình xây dựng trên phần đất phải trả cho ông C, bà V, bà Ph trong thời hạn 01 (một) tháng và bắt đầu thực hiện vào ngày 12 tháng 10 năm 2022.

Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn ông V Ng C, bà Ng T V, bà Ng T M Ph.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Dương Viết L, bà Trần L1 Ph.

Ông Nguyễn Trung T không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do án được thụ lý từ giai đoạn tháng 11/2016, bị hủy và được thụ lý lại, nên theo pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 29/02/2009, án phí không có giá ngạch là 200.000 đồng. Các nguyên đơn ông V Ng C, bà Ng T V, bà Ng T M Ph tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm. Nhưng khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông C, bà V đã nộp là 200.000 đồng, theo biên lai thu số 0002081, ngày 11/11/2016 và tiền tạm ứng án phí bà Ph đã nộp 200.000 đồng, theo biên lai thu số 0002080 ngày 11/11/2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Trả lại cho ông V Ng C, bà Ng T V 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên thu số 0002503, ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Trả lại cho bà Ng T M Ph 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002519, ngày 18/4/2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Trả lại cho ông Dương Viết L, bà Trần Ph L1 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007119, ngày 20/8/2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.180.0000 đồng ông V Ng C bà V tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Chi thẩm định giá 1.430.000 đồng, ông V Ng C bà Ng T V tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Chi phí giám định công trình 4.176.655 đồng, ông V Ng C, bà Ng T V tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 1 Điều 157, Điều 161 và khoản 1 Điều 165 Điều 212 và Điều 213, 235 ; 246 và Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm khoản 12 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông V Ng C, bà Ng T V, bà Ng T M Ph. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự như sau:

- Ông Dương Viết L, bà Trần Ph L1 đồng ý trả lại cho ông V Ng C, bà Ng T V diện tích đất chiều dài 01 mét và chiều ngang 5,5 mét. Trên phần đất này có công trình xây dựng là một phần nhà trọ và nơi để rửa chén. Ông Dương Viết L, bà Trần Ph L1 tự nguyện tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất phải trả cho ông C, bà V. Ông L, bà L1 tự nguyện chịu các chi phí phát sinh khi thực hiện tháo dỡ công, không yêu cầu ông C, bà V phải bồi thường lại. Diện tích đất giao trả được T từ mí tường nhà của ông L kéo dài ra phía trước đường Trần Đại Nghĩa là 01 mét và ngang T từ mí tường nhà ông L kéo qua giáp với phần đất của bà Nguyễn Minh

Ph là 5,5 mét (*Vị trí xác định theo tờ trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang ngày 29/3/2022*).

- Ông Dương Viết L, bà Trần Ph L1 đồng ý trả lại cho bà Ng T M Ph diện tích đất chiều dài 01 mét và chiều ngang 4,5 mét. Trên phần đất này có công trình xây dựng là tường rào; một phần nhà vệ sinh và nơi để rửa chén. Ông Dương Viết L, bà Trần Ph L1 tự nguyện tháo dỡ công trình trên phần đất phải trả cho bà Ph. Ông L, bà L1 tự nguyện chịu các chi phí phát sinh khi thực hiện tháo dỡ công trình xây dựng, không yêu cầu bà Ph phải bồi thường lại. Diện tích đất giao trả được từ mí tường rào của ông L kéo dài ra phía trước đường Trần Đại Nghĩa là 01 mét và ngang T từ phần đất giáp với ông C kéo qua giáp với phần đất Vũ Thị Nhuận là 4,5 mét (*Vị trí theo tờ trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang ngày 29/3/2022*).

- Thời gian thực hiện việc tháo dỡ trong thời hạn 01 (một) tháng và được bắt đầu vào ngày 12 tháng 10 năm 2022. Đến thời hạn tháo dỡ các công trình xây dựng trên phần đất giao trả cho các nguyên đơn, nếu ông L, bà L1 không tự nguyện tháo dỡ theo thỏa thuận thì ông C, bà V, bà Ph có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành tháo dỡ theo quy định.

Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn ông V Ng C, bà Ng T V, bà Ng T M Ph.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Dương Viết L, bà Trần L1 Ph.

Ông Nguyễn Trung T không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án, Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông V Ng C, bà Ng T V, bà Ng T M Ph chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Bà Ng T M Ph chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Nhưng được khấu trừ tiền tạm án phí ông C, bà V đã nộp là 200.000 đồng, theo biên lai thu số 0002081, ngày 11/11/2016 và tiền tạm ứng án phí bà Ph đã nộp 200.000 đồng, theo biên lai thu số 0002080 ngày 11/11/2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Trả lại cho ông V Ng C, bà Ng T V 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên thu số 0002503, ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Trả lại cho bà Ng T M Ph 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002519, ngày 18/4/2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Trả lại cho ông Dương Viết L, bà Trần Ph L1 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007119, ngày 20/8/2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.180.000 đồng ông V Ng C bà V chịu và đã nộp xong.

Chi thẩm định giá 1.430.000 đồng, ông V Ng C bà Ng T V chịu và đã nộp xong.

Chi phí giám định công trình 4.176.655 đồng, ông V Ng C, bà Ng T V chịu và đã nộp xong.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

